

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định tái thẩm

Số: 80/2020/DS-TT

Ngày: 22-5-2020

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Cường

Ông Lê Thành Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 N 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp thừa kế*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn B, sinh N 1946

Địa chỉ: 8xx/1x/1x Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn P, sinh N 1945

Địa chỉ: 6x Khu phố x, P. P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Q, sinh N 1951

Địa chỉ: 2x/xB Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị T, sinh N 1954

Địa chỉ: 2x/xC Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị X, sinh N 1964

Địa chỉ: 7 chuyên dùng 9, Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh N 1961

Địa chỉ: 20 chuyên dùng 9, Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh N 1957

Địa chỉ: 23/4 Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh N 1941

Địa chỉ: 3x/x Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh N 1958

Địa chỉ: 1x/xD Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh N 1956

Địa chỉ: 2x/xA Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh N 1964

Địa chỉ: 1/xC Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh N 1969

Địa chỉ: 5x Ấp x, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh N 1972

Địa chỉ: 2x/xA Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hữu T, sinh N 1965; bà Nguyễn Thị V, sinh N 1972

Địa chỉ: 2x/x đường D 03, Khu phố X, P. T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị T, sinh N 1957; ông Nguyễn Anh T, sinh N 1984

Địa chỉ: 2x/x Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Anh K, sinh N 1983

Địa chỉ: 8xx/1x/1xA Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty nạo vét đường thủy X

Địa chỉ: 2xx N, Phường 2X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Văn T, sinh N 1950

Địa chỉ: 8xx H, Khu phố x, phường P, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn N và bà Trần Thị K có 10 người con chung. Bà K chết ngày 07/8/1988, ông N chết ngày 14/10/2001; cha mẹ của ông N, bà K đều đã chết trước nhưng không rõ thời điểm chết.

Bà K, ông N không để lại di chúc nhưng để lại các di sản do ông T đang quản lý, sử dụng gồm có:

Thửa đất số 188-153, tờ bản đồ số 2B, tọa lạc tại phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, có tài sản là công trình kiến trúc xây dựng trên đất, được Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 02742/2004 ngày 07/5/2004 ghi tên ông N, bà K.

Thửa đất số 2029 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Phú Mỹ (nay là phường Phú Thuận), Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, có tài sản là công trình kiến trúc xây dựng trên đất, được Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01710/2005 ngày 11/5/2005 ghi tên ông N, bà K.

Các thửa đất số 90, 92, 93, 324, 325, 481, 482, 483 tờ bản đồ số 4 xã Phú Mỹ (nay là phường Phú Thuận), Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, được Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00529 ngày 07/12/2000 ghi tên ông N. Trong đó có 637m² thuộc một phần thửa 324 được thu hồi theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 06/6/2000 để giao cho Công ty nạo vét đường thủy X thuê đầu tư xây dựng cơ sở đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải đường thủy, ông N đã được bồi thường đầy đủ.

Các nguyên đơn yêu cầu tuyên bố tất cả những văn bản ưng thuận, cam kết, xác nhận liên quan đến việc phân chia các di sản kể trên của ông N, bà K là vô hiệu.

Tuyên bố tất cả các giao dịch, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông T ký với ông T, bà Q, bà T, bà X là vô hiệu.

Phân chia di sản của ông N, bà K cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T xác nhận di sản của ông N, bà K để lại, nhưng không đồng ý chia vì khi còn sống cha mẹ đã chia đất cho các anh em khác. Ông là con trai út, trực tiếp chăm sóc cha mẹ và lo thờ cúng, tôn tạo tài sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2010/DS-ST ngày 17/11/2010, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

...

Công nhận diện tích đất nông nghiệp thể hiện trên Bản đồ hiện trạng do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập cùng ngày 11/5/2009 thuộc các thửa 90, 92, 93, 325, 481, 482, 483 tờ bản đồ số 4 xã P (nay là phường P), Quận X và một phần thửa 324 tờ bản đồ số X xã P (nay là phường Phú Thuận), Quận X (thửa BK) phân chiết 324-1 theo tài liệu 02/CT-UB có tổng diện tích 10.834,7m² (Phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00529 QSDĐ/08/QĐ-H2000 ngày 07/12/2000 của Ủy ban nhân dân Quận 7 ghi tên ông Nguyễn Văn N là di sản của ông N.

Ông B, ông P, bà Q, bà T, bà X, bà Đ, ông C, ông T, bà H, bà T1, bà Đ, bà H, bà L được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi toàn bộ các thửa đất này. Số tiền phát mãi diện tích đất thực tế được chia theo tỷ lệ như sau:

Ông B, ông P, bà Q, bà T, bà X, bà Đ, ông C mỗi người được nhận số tiền bằng 10,5%.

Bà H, bà T1, bà Đ, bà H, bà L cùng được nhận số tiền bằng 10,5%.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông B, ông P, bà Q, bà T, bà X, ông Đ, ông C, bà H, bà T1, bà Đ, bà H, bà L về việc cho ông T được nhận số tiền bằng 16%.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về các di sản khác; giải quyết các tranh chấp về giao dịch quyền sử dụng đất vô hiệu, các văn bản ưng thuận và văn bản cam kết vô hiệu; án phí; lệ phí đo đạc, thẩm định, định giá; nghĩa vụ chậm trả; quyền kháng cáo của các đương sự).

Ngày 01/12/2010, ông T nộp đơn kháng cáo không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Tại Bản án số 512/2011/DS-PT ngày 05/05/2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Giữ nguyên bản án sơ thẩm (ghi nhận lại phần quyết định của bản án sơ thẩm; án phí và hiệu lực của bản án).

Ngày 03/9/2019, bà Trần Thị C nộp đơn đề nghị kháng nghị tái thẩm đối với bản án phúc thẩm (phần chia thừa kế các thửa đất số 90, 92 tờ bản đồ số 4 xã Phú Mỹ (nay là phường Phú Thuận), Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh vì cho rằng đây là tài sản của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị I (cha mẹ của bà). Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm chia các tài sản này cho các đồng thừa kế của ông N, bà K là không đúng.

Tại Quyết định số 03/QĐKNTT-VKS-DS ngày 08/01/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 512/2011/DS-PT ngày 05/5/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tái thẩm hủy một phần bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2010/DS-ST ngày 17/11/2010 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (đối với phần chia di sản thừa kế thửa số 90, 92 tờ bản đồ số X xã P (nay là phường Phú Thuận), Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nghị đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Sổ mục kê ruộng đất N 1984 (Tài liệu 299/TTg), thửa đất số 90 và một phần thửa 92 (trước đây là thửa 174) do ông Trần Văn T kê khai; sau đó ông T đưa 02 thửa đất này vào Hợp tác xã theo chính sách ruộng đất của Nhà nước. Khi Hợp tác xã giải thể, ông Nguyễn Văn N đứng ra kê khai từ N 1991 (Tài liệu 02/CT-UB) và đến N 1995 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 01/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè. N 2000, ông N được Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp Phó bản Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 00529 ngày 07/12/2000. N 1991, giữa ông Trần Văn T và ông Nguyễn Văn N có tranh chấp quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ghi nhận tại Thông báo số 62/CV-UB ngày 09/7/1991, nhưng không xác định phần đất tranh chấp cũng như kết quả giải quyết. Việc ông T kê khai N 1984 và sau khi Hợp tác xã giải thể thì ông N đứng ra kê khai 02 thửa đất số 90, 92 vào N 1991, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N 1995 là phù hợp với chính sách quản lý đất đai của Nhà nước trong thời kỳ này.

[2] Mặt khác, tại Biên bản xác minh tài liệu chứng cứ ngày 31/10/2019 kèm theo Quyết định số 128/QĐ-VC3-V2 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận xác nhận "*Hiện trạng trên đất có dừa nước, đất trũng, không có ai quản lý, sử dụng*". Ngoài ra, trình tự cấp Phó bản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N vào N 2000 có đăng báo 03 kỳ liên tiếp; quá trình giải quyết vụ án chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm tổ chức đoàn gồm nhiều thành phần tiến hành đo đạc ngày 12/02/2009, thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2010 nhưng không có ai phản đối, tranh chấp hay khiếu nại gì. Tại Biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị C ngày 31/10/2019 do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, thì bà C biết việc ông T kê khai thửa 90, 92 khi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh để xin trích lục hồ sơ đất đai của gia đình vào N 2015. Cũng từ thời điểm này (N 2015), bà C mới tranh chấp với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn N, trong khi từ N 1992 cho đến N 2014 không thể hiện đất có tranh chấp và các đồng thừa kế của ông N đã chia di sản thừa kế (bao gồm thửa đất số 90, 92) theo Bản án số 512/2011/DS-PT ngày 05/05/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà C và những người làm chứng cho bà C là ông Lê Văn N, bà Ngô Thị B, bà Ngô Ngọc A, ông Huỳnh Văn T cho rằng gia đình bà C trực tiếp quản lý, sử dụng các thửa đất số 90, 92 từ N 1975 đến nay là không đúng, không phù hợp với thực tế khách quan.

[3] Biên bản xác minh tài liệu chứng cứ tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản xác minh tài liệu chứng cứ tại Chi nhánh đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản xác minh tài liệu chứng cứ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu chứng cứ thu thập được theo Quyết định số 128/QĐ-VC3-V2 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phải là tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án mà Tòa án, các đương sự không biết được khi ban hành Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm. Nên kháng nghị số 03/QĐKN TT-VKS-DS ngày 08/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 351, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015;

Không chấp nhận Kháng nghị số 03/QĐKNTT-VKS-DS ngày 08/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 512/2011/DS-PT ngày 05/5/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực thi hành.

Quyết định tái thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- Vụ pháp chế và QLKH TANDTC;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hồng Phong